



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 28 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

|                          |   |   |
|--------------------------|---|---|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Ông Nguyễn Đức Trị<br>Bà Trần Tường Anh<br>Ông Nguyễn Ngọc Bình<br>Ông Lê Quốc Ân<br>Ông Nguyễn Văn Hải<br>Ông Phạm Văn Tân   | Chủ tịch<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>(đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)  |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     | Bà Nguyễn Thị Kim Khanh<br>Ông Nguyễn Thanh Sơn<br>Ông Vũ Ngọc Tú<br><br>Ông Nguyễn Ngọc Cách   | Trưởng ban<br>Thành viên<br>Thành viên<br>(từ ngày 17 tháng 4 năm 2022)<br>Thành viên<br>(đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)   |
| <b>Ban điều hành</b>     | Ông Nguyễn Văn Hải<br>Bà Hoàng Thùy Oanh<br>Bà Trần Tường Anh<br>Ông Nguyễn Ngọc Bình<br>Bà Trần Thị Hòa Châu<br>Ông Phạm Ngọc Trung<br>Ông Phan Văn Phước<br>Ông Phan Quang Long<br>Ông Nguyễn Phước Hoàng<br>Ông Nguyễn Văn Cường<br>Bà Nguyễn Thị Tường Long | Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Giám đốc điều hành<br>Giám đốc điều hành<br>Giám đốc điều hành<br>Giám đốc điều hành<br>Giám đốc điều hành<br>Kế toán trưởng |
| <b>Trụ sở đăng ký</b>    | 36 Phố Ông Ích Đường<br>Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ<br>Thành phố Đà Nẵng<br>Việt Nam   |   |
| <b>Công ty kiểm toán</b> | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam   |   |







KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

11/1/2022 10:00 AM



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Đạo cáo soát xét số: 22-04-00007-22-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 16 tháng 8 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2022<br/>VND</b> | <b>1/1/2022<br/>VND</b>  |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |              |                    |                          |                          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b>   |                    | <b>1.746.065.778.461</b> | <b>1.605.615.707.684</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                      | <b>110</b>   | <b>9</b>           | <b>31.854.667.232</b>    | <b>58.586.417.754</b>    |
| Tiền   | 111          |                    | 28.831.699.182           | 50.563.449.704           |
| Các khoản tương đương tiền                                     | 112          |                    | 3.022.968.050            | 8.022.968.050            |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                               | <b>120</b>   |                    | <b>219.755.000.000</b>   | <b>119.955.000.000</b>   |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                | 123          | 10(a)              | 219.755.000.000          | 119.955.000.000          |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                             | <b>130</b>   |                    | <b>570.303.089.159</b>   | <b>528.809.007.805</b>   |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                               | 131          | 11                 | 557.714.193.919          | 485.922.363.886          |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                               | 132          |                    | 15.237.379.740           | 43.995.355.569           |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                                   | 135          |                    | 839.671.000              | 488.100.000              |
| Phải thu ngắn hạn khác   | 136          | 12                 | 3.838.404.571            | 5.614.168.036            |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                      | 137          | 13                 | (7.326.560.071)          | (7.210.979.686)          |
| <b>Hàng tồn kho</b>  | <b>140</b>   | <b>14</b>          | <b>873.180.542.310</b>   | <b>857.148.182.643</b>   |
| Hàng tồn kho   | 141          |                    | 873.937.353.563          | 858.059.229.755          |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                                 | 149          |                    | (756.811.253)            | (911.047.112)            |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                   | <b>150</b>   |                    | <b>50.972.479.760</b>    | <b>41.117.099.482</b>    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                     | 151          | 18(a)              | 7.037.402.792            | 9.655.091.330            |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                            | 152          |                    | 43.931.521.511           | 31.462.008.152           |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                       | 153          | 20(a)              | 3.555.457                | -                        |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|   | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2022<br/>VND</b>   | <b>1/1/2022<br/>VND</b>    |
|---|--------------|--------------------|----------------------------|----------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | <b>200</b>   |                    | <b>766.181.490.772</b>     | <b>735.148.924.587</b>     |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                             | <b>210</b>   |                    | <b>8.412.720.545</b>       | <b>3.959.430.014</b>       |
| Phải thu về cho vay dài hạn                                   | 215          |                    | 5.428.969.000              | 994.100.000                |
| Phải thu dài hạn khác   | 216          |                    | 2.983.751.545              | 2.965.330.014              |
| <b>Tài sản cố định</b>  | <b>220</b>   |                    | <b>693.486.209.703</b>     | <b>672.855.117.891</b>     |
| Tài sản cố định hữu hình                                      | 221          | 15                 | 691.079.359.019            | 670.989.694.477            |
| <i>Nguyên giá</i>   | 222          |                    | <i>1.917.053.626.854</i>   | <i>1.849.460.034.252</i>   |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                                 | 223          |                    | <i>(1.225.974.267.835)</i> | <i>(1.178.470.339.775)</i> |
| Tài sản cố định vô hình                                       | 227          | 16                 | 2.406.850.684              | 1.865.423.414              |
| <i>Nguyên giá</i>   | 228          |                    | <i>12.106.702.209</i>      | <i>11.203.228.209</i>      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                                 | 229          |                    | <i>(9.699.851.525)</i>     | <i>(9.337.804.795)</i>     |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                                | <b>240</b>   |                    | <b>15.003.192.694</b>      | <b>14.352.120.576</b>      |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                       | 242          | 17                 | 15.003.192.694             | 14.352.120.576             |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                               | <b>250</b>   | <b>10(b)</b>       | <b>15.766.677.280</b>      | <b>16.438.680.283</b>      |
| Đầu tư vào các công ty liên kết                               | 252          |                    | 14.816.828.808             | 15.192.122.289             |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                | 253          |                    | 7.755.702.000              | 7.755.702.000              |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                             | 254          |                    | (6.805.853.528)            | (6.509.144.006)            |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>260</b>   |                    | <b>33.512.690.550</b>      | <b>27.543.575.823</b>      |
| Chi phí trả trước dài hạn                                     | 261          | 18(b)              | 33.512.690.550             | 27.543.575.823             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200)                 | <b>270</b>   |                    | <b>2.512.247.269.233</b>   | <b>2.340.764.632.271</b>   |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2022<br/>VND</b> | <b>1/1/2022<br/>VND</b>  |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                             |              |                    |                          |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>         | <b>300</b>   |                    | <b>1.754.596.872.699</b> | <b>1.686.965.963.589</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b>   |                    | <b>1.461.559.046.214</b> | <b>1.374.869.345.296</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311          | 19                 | 321.250.706.786          | 334.619.044.523          |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312          |                    | 5.523.573.253            | 41.751.907.473           |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 313          | 20(b)              | 30.996.898.798           | 17.503.233.969           |
| Phải trả người lao động                      | 314          |                    | 397.942.728.394          | 328.122.204.212          |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 315          | 21                 | 10.951.803.943           | 4.609.214.726            |
| Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn          | 318          |                    | 627.655.050              | 85.280.315               |
| Phải trả ngắn hạn khác                       | 319          | 22                 | 27.431.357.190           | 25.932.598.543           |
| Vay ngắn hạn                                 | 320          | 23(a)              | 596.119.197.909          | 553.070.761.077          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 322          | 24                 | 70.715.124.891           | 69.175.100.458           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                            | <b>330</b>   |                    | <b>293.037.826.485</b>   | <b>312.096.618.293</b>   |
| Người mua trả tiền trước dài hạn             | 332          |                    | 6.856.178.224            | 10.740.759.952           |
| Vay dài hạn                                  | 338          | 23(b)              | 286.181.648.261          | 301.355.858.341          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>            | <b>400</b>   |                    | <b>757.650.396.534</b>   | <b>653.798.668.682</b>   |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b>   | <b>25</b>          | <b>757.650.396.534</b>   | <b>653.798.668.682</b>   |
| Vốn cổ phần                                  | 411          | 23                 | 300.030.750.000          | 236.250.000.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết     | 411a         |                    | 300.030.750.000          | 236.250.000.000          |
| Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414          |                    | 1.752.940.000            | 1.176.340.000            |
| Quỹ đầu tư phát triển                        | 418          | 27                 | 178.026.784.321          | 140.963.518.580          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 421          |                    | 232.129.613.960          | 234.646.810.143          |
| - LNST chưa phân phối                        |              |                    |                          |                          |
| đến cuối năm trước                           | 421a         |                    | 98.761.374.269           | 46.452.467.056           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay         | 421b         |                    | 133.368.239.691          | 188.194.343.087          |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát              | 429          |                    | 45.710.308.253           | 40.761.999.959           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b>   |                    | <b>2.512.247.269.233</b> | <b>2.340.764.632.271</b> |

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                          |
|---|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------|
|   |           |             | 30/6/2022<br>VND           | 30/6/2021<br>VND         |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 01        | 30          | 2.587.796.919.620          | 1.549.737.625.126        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02        |             | 110.489.859                | 333.695.004              |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>                 | <b>10</b> |             | <b>2.587.686.429.761</b>   | <b>1.549.403.930.122</b> |
| Giá vốn hàng bán  | 11        |             | 2.283.767.335.413          | 1.395.427.989.501        |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>   | <b>20</b> |             | <b>303.919.094.348</b>     | <b>153.975.940.621</b>   |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 31          | 30.455.489.943             | 11.219.440.049           |
| Chi phí tài chính   | 22        | 32          | 24.144.268.735             | 11.551.666.467           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>  | 23        |             | 9.768.444.608              | 8.588.108.270            |
| Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết   | 24        |             | 910.306.519                | 1.732.424.713            |
| Chi phí bán hàng  | 25        | 33          | 70.043.777.500             | 45.515.729.259           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 34          | 74.297.849.648             | 58.710.317.070           |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>166.798.994.927</b>     | <b>51.150.092.587</b>    |
| Thu nhập khác   | 31        | 35          | 3.960.621.321              | 1.016.027.493            |
| Chi phí khác  | 32        |             | 708.857.422                | 811.591.606              |
| <b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                                       | <b>40</b> |             | <b>3.251.763.899</b>       | <b>204.435.887</b>       |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                                    | <b>50</b> |             | <b>170.050.758.826</b>     | <b>51.354.528.474</b>    |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 51        | 37          | 28.852.814.612             | 4.087.042.356            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>                 | <b>60</b> |             | <b>141.197.944.214</b>     | <b>47.267.486.118</b>    |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|  | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                          |
|--|-------|-------------|----------------------------|--------------------------|
|  |       |             | 30/6/2022<br>VND           | 30/6/2021<br>VND         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b><br>(trạng trước mang sang) | 60    |             | 141.197.944.214            | 47.267.486.118           |
| <b>Phân bổ cho:</b>  |       |             |                            |                          |
| Cổ đông của công ty mẹ   | 61    |             | 133.368.239.691            | 41.122.834.344           |
| Cổ đông không kiểm soát  | 62    |             | 7.829.704.523              | 6.144.651.774            |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>   |       |             |                            | <b>Đã điều chỉnh lại</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70    | 38          | 4.279                      | 1.356                    |

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|   | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                         |
|---|-----------|-------------|----------------------------|-------------------------|
|   |           |             | 30/6/2022<br>VND           | 30/6/2021<br>VND        |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                              |           |             |                            |                         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> |             | <b>170.050.758.826</b>     | <b>51.354.528.474</b>   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>   |           |             |                            |                         |
| Khấu hao và phân bổ   | 02        |             | 62.948.909.906             | 65.228.731.731          |
| Các khoản dự phòng  | 03        |             | 258.054.048                | (3.022.616.989)         |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | 8.206.591.988              | 977.103.222             |
| Lãi từ hoạt động đầu tư   | 05        |             | (3.784.661.859)            | (3.670.208.285)         |
| Chi phí lãi vay   | 06        |             | 9.768.444.608              | 8.588.108.270           |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>  | <b>08</b> |             | <b>247.448.097.517</b>     | <b>119.455.646.423</b>  |
| Biến động các khoản phải thu  | 09        |             | (51.341.094.196)           | (44.636.179.340)        |
| Biến động hàng tồn kho  | 10        |             | (15.878.123.808)           | (126.179.211.528)       |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                            | 11        |             | 11.244.058.969             | 25.013.397.929          |
| Biến động chi phí trả trước   | 12        |             | (3.395.231.415)            | (1.319.537.755)         |
|   |           |             | <b>188.077.707.067</b>     | <b>(27.665.884.271)</b> |
| Tiền lãi vay đã trả   | 14        |             | (10.003.157.174)           | (8.751.301.838)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        | 20(b)       | (23.435.311.104)           | (2.800.450.665)         |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                       | 16        |             | 56.290.577                 | 206.719.141             |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                      | 17        | 24          | (9.686.482.506)            | (5.377.621.982)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                        | <b>20</b> |             | <b>145.009.046.860</b>     | <b>(44.388.539.615)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                  |           |             |                            |                         |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác          | 21        |             | (61.809.550.421)           | (28.747.365.333)        |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác    | 22        |             | 646.852.693                | 317.272.728             |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                    | 23        |             | (140.066.440.000)          | (61.310.000.000)        |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác            | 24        |             | 35.480.000.000             | 7.916.800.000           |
| Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức                                | 27        |             | 2.230.307.539              | 1.620.510.844           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                            | <b>30</b> |             | <b>(163.518.830.189)</b>   | <b>(80.202.781.761)</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                        |
|--|-----------|-------------|----------------------------|------------------------|
|  |           |             | 30/6/2022<br>VND           | 30/6/2021<br>VND       |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                    |           |             |                            |                        |
| Tiền thu từ đi vay   | 33        |             | 1.970.446.054.130          | 1.355.602.301.783      |
| Tiền trả nợ gốc vay  | 34        |             | (1.952.567.292.823)        | (1.207.462.128.015)    |
| Tiền trả cổ tức  | 36        |             | (26.100.728.500)           | (11.789.005.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> |             | <b>(8.221.967.193)</b>     | <b>136.351.168.768</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>        | <b>50</b> |             | <b>(26.731.750.522)</b>    | <b>11.759.847.392</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>                 | <b>60</b> |             | <b>58.586.417.754</b>      | <b>44.218.004.444</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b> | <b>70</b> | <b>9</b>    | <b>31.854.667.232</b>      | <b>55.977.851.836</b>  |

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

| STT                     | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết<br>của Tổng Công ty | Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết<br>của Tổng Công ty |          |
|-------------------------|--|--|----------|
|                         |  | 30/6/2022                                      | 1/1/2022 |
| <b>Công ty con</b>      |  |  |          |
| 1                       | Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ             | 76,88%   | 76,88%   |
| 2                       | Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An           | 54,18%   | 54,18%   |
| 3                       | Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên        | 81,73%   | 81,73%   |
| 4                       | Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình       | 74,49%   | 74,49%   |
| 5                       | Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ       | 100%   | 100%     |
| <b>Công ty liên kết</b> |  |  |          |
| 1                       | Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam        | 32,14%   | 32,14%   |
| 2                       | Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh         | 20,00%   | 20,00%   |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 10.334 nhân viên (1/1/2022: 9.807 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn như Thuyết minh 8.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khi phân lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm   |
| ▪ tài sản khác           | 2 – 5 năm   |

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

TH  
CÔNG  
TY  
DỆT  
MAY  
HÒA  
THỌ  
T.P

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dệt may (bao gồm sản xuất sợi và may mặc).

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào địa điểm của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Vương quốc Anh
- Các vùng địa lý khác

|   | Trung Quốc<br>Nghìn VND | Hoa Kỳ<br>Nghìn VND | Nhật Bản<br>Nghìn VND | Châu Phi<br>Nghìn VND | Việt Nam<br>Nghìn VND | Thụy Điển<br>Nghìn VND | Các vùng<br>địa lý khác<br>Nghìn VND | Hợp nhất<br>Nghìn VND |
|---|-------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b> |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      |                       |
| Tổng doanh thu của bộ phận                                | 729.349.243             | 573.722.155         | 214.108.199           | 217.285.660           | 225.162.052           | 231.926.531            | 396.243.080                          | 2.587.796.920         |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận                            | 47.623.147              | 56.119.917          | 14.432.893            | 47.421.172            | 72.846.679            | 10.208.690             | 55.266.596                           | 303.919.094           |
| Thu nhập không phân bổ                                    |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 31.365.796            |
| Chi phí không phân bổ                                     |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 168.485.895           |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh                       |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 166.798.995           |
| Thu nhập khác   |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 3.960.621             |
| Chi phí khác  |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 708.857               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                                |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 28.852.815            |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                  |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 141.197.944           |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|   | Trung Quốc<br>Nghìn VND | Hoa Kỳ<br>Nghìn VND | Nhật Bản<br>Nghìn VND | Châu Phi<br>Nghìn VND | Việt Nam<br>Nghìn VND | Thụy Điển<br>Nghìn VND | Các vùng<br>địa lý khác<br>Nghìn VND | Hợp nhất<br>Nghìn VND |
|---|-------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>                       |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      |                       |
| Tài sản của bộ phận                                       | 180.740.000             | 174.896.000         | 39.517.000            | 60.825.000            | 16.938.194            | 22.760.000             | 62.038.000                           | 557.714.194           |
| Tài sản không phân bổ                                     |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 1.954.533.075         |
| <b>Tổng tài sản</b>                                       |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | <b>2.512.247.269</b>  |
| Nợ phải trả của bộ phận                                   | 7.667.000               | -                   | -                     | -                     | 684.751               | -                      | 4.028.000                            | 12.379.751            |
| Các khoản nợ không phân bổ                                |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 1.742.217.122         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                   |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | <b>1.754.596.873</b>  |
| <b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b> |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      |                       |
| Chi tiêu vốn  |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 61.809.550            |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình                         |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 62.543.058            |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình                          |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 362.047               |



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|   | <b>Trung Quốc</b><br>Nghìn VND | <b>Hoa Kỳ</b><br>Nghìn VND | <b>Nhật Bản</b><br>Nghìn VND | <b>Châu Phi</b><br>Nghìn VND | <b>Việt Nam</b><br>Nghìn VND | <b>Thụy Điển</b><br>Nghìn VND | <b>Các vùng</b><br><b>địa lý khác</b><br>Nghìn VND | <b>Hợp nhất</b><br>Nghìn VND |
|---|--------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--|------------------------------|
| <b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b> |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  |                              |
| Tổng doanh thu của bộ phận                                | 377.465.678                    | 213.418.179                | 214.580.597                  | 110.153.585                  | 217.376.653                  | 151.839.827                   | 264.903.106  | 1.549.737.625                |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận                            | 22.576.671                     | 25.836.073                 | 14.635.759                   | 24.218.847                   | 14.187.529                   | 8.521.611                     | 43.999.451   | 153.975.941                  |
| <hr/>   |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  |                              |
| Thu nhập không phân bổ                                    |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 12.951.865                   |
| Chi phí không phân bổ                                     |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 115.777.713                  |
| <hr/>   |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  |                              |
| Kết quả từ các hoạt động kinh doanh                       |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 51.150.093                   |
| <hr/>   |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  |                              |
| Thu nhập khác   |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 1.016.027                    |
| Chi phí khác  |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 811.592                      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                                |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 4.087.042                    |
| <hr/>   |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  |                              |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                  |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  | 47.267.486                   |
| <hr/>   |                                |                            |                              |                              |                              |                               |  |                              |



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|   | Trung Quốc<br>Nghìn VND | Hoa Kỳ<br>Nghìn VND | Nhật Bản<br>Nghìn VND | Châu Phi<br>Nghìn VND | Việt Nam<br>Nghìn VND | Thụy Điển<br>Nghìn VND | Các vùng<br>địa lý khác<br>Nghìn VND | Hợp nhất<br>Nghìn VND |
|---|-------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>                        |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      |                       |
| Tài sản của bộ phận                                       | 157.101.000             | 164.967.000         | 16.244.000            | 29.728.000            | 22.927.364            | 9.140.000              | 85.815.000                           | 485.922.364           |
| Tài sản không phân bổ                                     |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 1.854.842.268         |
| <b>Tổng tài sản</b>                                       |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | <b>2.340.764.632</b>  |
| Nợ phải trả của bộ phận                                   | 16.119.000              | 25.452.000          | -                     | -                     | 8.060.667             | -                      | 2.861.000                            | 52.492.667            |
| Các khoản nợ không phân bổ                                |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 1.634.473.297         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                                   |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | <b>1.686.965.964</b>  |
| <b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b> |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      |                       |
| Chi tiêu vốn  |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 28.747.365            |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình                         |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 64.742.659            |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình                          |                         |                     |                       |                       |                       |                        |                                      | 372.224               |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | <b>30/6/2022</b> | <b>1/1/2022</b> |
|----------------------------|------------------|-----------------|
|                            | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Tiền mặt                   | 241.582.523      | 117.040.289     |
| Tiền gửi ngân hàng         | 28.590.116.659   | 50.446.409.415  |
| Các khoản tương đương tiền | 3.022.968.050    | 8.022.968.050   |
|                            | <hr/>            | <hr/>           |
|                            | 31.854.667.232   | 58.586.417.754  |
|                            | <hr/>            | <hr/>           |

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm là 3% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2022: 3%).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

|                    | <b>30/6/2022</b> |                       | <b>1/1/2022</b> |                       |
|--------------------|------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
|                    | <b>Giá gốc</b>   | <b>Giá trị hợp lý</b> | <b>Giá gốc</b>  | <b>Giá trị hợp lý</b> |
|                    | <b>VND</b>       | <b>VND</b>            | <b>VND</b>      | <b>VND</b>            |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 219.755.000.000  | 219.755.000.000       | 119.955.000.000 | 119.955.000.000       |
|                    | <hr/>            |                       |                 |                       |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 1 tháng – 8 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,5% (1/1/2022: từ 3,3% đến 5,55%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 93.000 triệu VND (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 23(b)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | Địa chỉ         | 30/6/2022         |          |                    |                       |                        | 1/1/2022          |          |                    |                       |                        |
|--|-----------------|-------------------|----------|--------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|----------|--------------------|-----------------------|------------------------|
|  |                 | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND    | Dự phòng VND           | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND    | Dự phòng VND           |
| Đầu tư góp vốn vào:                                |                 |                   |          |                    |                       |                        |                   |          |                    |                       |                        |
| <i>Công ty liên kết</i>                            |                 |                   |          |                    |                       |                        |                   |          |                    |                       |                        |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam            | Quảng Nam       | 642.800           | 32,14%   | 32,14%             | 14.816.828.808        | -                      | 642.800           | 32,14%   | 32,14%             | 15.192.122.289        | -                      |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh             | Quảng Nam       | 400.000           | 20,00%   | 20,00%             | -                     | -                      | 400.000           | 20,00%   | 20,00%             | -                     | -                      |
|  |                 |                   |          |                    | <u>14.816.828.808</u> | <u>-</u>               |                   |          |                    | <u>15.192.122.289</u> | <u>-</u>               |
| <i>Đơn vị khác</i>                                 |                 |                   |          |                    |                       |                        |                   |          |                    |                       |                        |
| Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung                | Khánh Hòa       | 65.000            | 7,12%    | 7,12%              | 855.702.000           | (505.853.528)          | 65.000            | 7,12%    | 7,12%              | 855.702.000           | (209.144.006)          |
| Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà            | Quảng Nam       | 60.000            | 10,91%   | 10,91%             | 600.000.000           | -                      | 60.000            | 10,91%   | 10,91%             | 600.000.000           | -                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | 630.000           | 14,00%   | 14,00%             | 6.300.000.000         | (6.300.000.000)        | 630.000           | 14,00%   | 14,00%             | 6.300.000.000         | (6.300.000.000)        |
|  |                 |                   |          |                    | <u>7.755.702.000</u>  | <u>(6.805.853.528)</u> |                   |          |                    | <u>7.755.702.000</u>  | <u>(6.509.144.006)</u> |
|  |                 |                   |          |                    | <u>22.572.530.808</u> | <u>(6.805.853.528)</u> |                   |          |                    | <u>22.947.824.289</u> | <u>(6.509.144.006)</u> |

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

|   | <b>30/6/2022</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2022</b><br><b>VND</b> |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| Haggar Clothing Co.                       | 123.633.472.620                | 126.145.167.202               |
| Motives International (Hong Kong) Limited | 155.616.257.186                | 139.699.775.309               |
| Các khách hàng khác                       | 278.464.464.113                | 220.077.421.375               |
|   | <hr/>                          | <hr/>                         |
|   | 557.714.193.919                | 485.922.363.886               |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 32.251 triệu VND (1/1/2022: 24.373 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 23(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

|   | <b>30/6/2022</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2022</b><br><b>VND</b> |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| <b>Công ty mẹ</b><br>Tập đoàn Dệt May Việt Nam                    | 166.189.960                    | 131.545.680                   |
| <b>Công ty liên kết</b><br>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh | 238.327.063                    | 99.706.524                    |
|   | <hr/>                          | <hr/>                         |
|   | 404.517.023                    | 231.252.204                   |

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

|                          | <b>30/6/2022</b> | <b>1/1/2022</b> |
|--------------------------|------------------|-----------------|
|                          | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Kí quỹ, kí cược ngắn hạn | 157.896.000      | 228.866.300     |
| Tạm ứng                  | 956.463.385      | 1.218.142.241   |
| Thuế nhập khẩu tạm nộp   | 1.006.306.691    | 1.190.743.899   |
| Phải thu khác            | 1.717.738.495    | 2.976.415.596   |
|                          | <hr/>            | <hr/>           |
|                          | 3.838.404.571    | 5.614.168.036   |
|                          | <hr/>            | <hr/>           |

ĐƠN  
TRÁI  
SIAM

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

|   | Thời gian quá hạn       | 30/6/2022            |                        |                      | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn    | 1/1/2022               |                      |                            |
|---|-------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|
|   |                         | Giá gốc VND          | Dự phòng VND           |                      |                            |                      | Giá gốc VND            | Dự phòng VND         | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn                                  |                         |                      |                        |                      |                            |                      |                        |                      |                            |
| Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt | Trên 3 năm              | 5.709.989.346        | (5.709.989.346)        | -                    | Trên 3 năm                 | 5.709.989.346        | (5.709.989.346)        | -                    |                            |
| Công ty TNHH May Phú Tường                  | Từ 1 năm đến dưới 3 năm | 2.880.547.450        | (1.616.570.725)        | 1.263.976.725        | Từ 1 năm đến dưới 2 năm    | 2.880.547.450        | (1.440.273.725)        | 1.440.273.725        |                            |
| Các khách hàng khác (*)                     | Trên 3 năm              | -                    | -                      | -                    | Trên 3 năm                 | 60.716.615           | (60.716.615)           | -                    |                            |
|   |                         | <u>8.590.536.796</u> | <u>(7.326.560.071)</u> | <u>1.263.976.725</u> |                            | <u>8.651.253.411</u> | <u>(7.210.979.686)</u> | <u>1.440.273.725</u> |                            |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi

(7.326.560.071)

(7.210.979.686)

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, khoản phải thu khó đòi từ một số các khách hàng đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

|  | 30/6/2022              |                      | 1/1/2022               |                      |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
|  | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND      | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND      |
| Hàng mua đang đi<br>trên đường         | 111.144.725.198        | -                    | 143.046.172.229        | -                    |
| Nguyên vật liệu                        | 312.119.076.952        | -                    | 249.105.703.724        | -                    |
| Công cụ và dụng cụ                     | 756.037.502            | -                    | 1.045.994.692          | -                    |
| Chi phí sản xuất<br>kinh doanh dở dang | 358.016.777.966        | -                    | 373.904.283.135        | -                    |
| Thành phẩm                             | 50.750.774.606         | (570.323.071)        | 38.848.313.457         | (708.667.048)        |
| Hàng hóa                               | 7.141.879.355          | (186.488.182)        | 5.264.115.298          | (202.380.064)        |
| Hàng gửi đi bán                        | 34.008.081.984         | -                    | 46.844.647.220         | -                    |
|  | <b>873.937.353.563</b> | <b>(756.811.253)</b> | <b>858.059.229.755</b> | <b>(911.047.112)</b> |

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 1.972 triệu VND (1/1/2022: 2.778 triệu VND) hàng thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 590.313 triệu VND (1/1/2022: 642.813 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 23(a)).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định hữu hình**

|                                   | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>và thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận chuyển<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tài sản khác<br>VND    | Tổng cộng<br>VND         |
|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                                  |                               |                                  |                              |                        |                          |
| Số dư đầu kỳ                      | 425.963.448.531                  | 1.249.268.643.283             | 70.175.602.659                   | 8.619.762.098                | 95.432.577.681         | 1.849.460.034.252        |
| Tăng trong kỳ                     | 520.101.007                      | 11.295.609.044                | 3.447.529.673                    | 530.694.000                  | 331.380.000            | 16.125.313.724           |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 25.411.434.831                   | 31.668.603.129                | 4.148.632.182                    | -                            | 5.281.543.518          | 66.510.213.660           |
| Phân loại lại                     | -                                | (3.406.316.277)               | 3.406.316.277                    | -                            | -                      | -                        |
| Thanh lý                          | -                                | (14.889.957.510)              | (36.845.454)                     | (84.131.818)                 | (31.000.000)           | (15.041.934.782)         |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>              | <b>451.894.984.369</b>           | <b>1.273.936.581.669</b>      | <b>81.141.235.337</b>            | <b>9.066.324.280</b>         | <b>101.014.501.199</b> | <b>1.917.053.626.854</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                                  |                               |                                  |                              |                        |                          |
| Số dư đầu kỳ                      | 175.181.540.103                  | 876.940.683.908               | 39.275.834.241                   | 7.269.482.029                | 79.802.799.494         | 1.178.470.339.775        |
| Khấu hao trong kỳ                 | 11.221.614.695                   | 43.570.153.780                | 3.671.861.672                    | 296.911.847                  | 3.782.515.956          | 62.543.057.950           |
| Phân loại lại                     | -                                | (908.635.388)                 | 908.635.388                      | -                            | -                      | -                        |
| Thanh lý                          | -                                | (14.889.945.739)              | (34.052.333)                     | (84.131.818)                 | (31.000.000)           | (15.039.129.890)         |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>              | <b>186.403.154.798</b>           | <b>904.712.256.561</b>        | <b>43.822.278.968</b>            | <b>7.482.262.058</b>         | <b>83.554.315.450</b>  | <b>1.225.974.267.835</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                                  |                               |                                  |                              |                        |                          |
| Số dư đầu kỳ                      | 250.781.908.428                  | 372.327.959.375               | 30.899.768.418                   | 1.350.280.069                | 15.629.778.187         | 670.989.694.477          |
| Số dư cuối kỳ                     | 265.491.829.571                  | 369.224.325.108               | 37.318.956.369                   | 1.584.062.222                | 17.460.185.749         | 691.079.359.019          |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 695.565 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 675.332 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 373.508 triệu VND (1/1/2022: 404.751 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 23).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính<br/>VND</b> |
|-------------------------------|---|
| <b>Nguyên giá</b>             |   |
| Số dư đầu kỳ                  | 11.203.228.209                          |
| Tăng trong kỳ                 | 903.474.000                             |
|                               | <hr/>                                   |
| Số dư cuối kỳ                 | 12.106.702.209                          |
|                               | <hr/>                                   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |   |
| Số dư đầu kỳ                  | 9.337.804.795                           |
| Khấu hao trong kỳ             | 362.046.730                             |
|                               | <hr/>                                   |
| Số dư cuối kỳ                 | 9.699.851.525                           |
|                               | <hr/>                                   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |   |
| Số dư đầu kỳ                  | 1.865.423.414                           |
| Số dư cuối kỳ                 | 2.406.850.684                           |
|                               | <hr/>                                   |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.138 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 7.138 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                      | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                  |
|--------------------------------------|----------------------------|------------------|
|                                      | 30/6/2022<br>VND           | 30/6/2021<br>VND |
| Số dư đầu kỳ                         | 14.352.120.576             | 4.180.723.801    |
| Tăng trong kỳ                        | 67.161.285.778             | 21.970.316.118   |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (66.510.213.660)           | (23.839.438.164) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình  | -                          | (377.311.147)    |
|                                      |                            |                  |
| Số dư cuối kỳ                        | 15.003.192.694             | 1.934.290.608    |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|                         | 30/6/2022      | 1/1/2022       |
|-------------------------|----------------|----------------|
|                         | VND            | VND            |
| Máy móc thiết bị sợi    | 4.483.230.196  | 12.685.845.477 |
| Nhà máy May Triệu Phong | 8.267.550.070  | 1.333.000      |
| Các công trình khác     | 2.252.412.428  | 1.664.942.099  |
|                         |                |                |
|                         | 15.003.192.694 | 14.352.120.576 |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | <b>30/6/2022</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2022</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước phí bảo hiểm              | 598.106.155                    | 2.551.628.353                 |
| Công cụ và dụng cụ                  | 2.070.315.047                  | 2.985.481.637                 |
| Chi phí trả trước về thuê hoạt động | -                              | 592.958.334                   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác     | 4.368.981.590                  | 3.525.023.006                 |
|                                     | <hr/> 7.037.402.792            | <hr/> 9.655.091.330 <hr/>     |

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | <b>Chi phí đất</b><br><b>trả trước</b><br><b>VND</b> | <b>Công cụ</b><br><b>và dụng cụ</b><br><b>VND</b> | <b>Chi phí trả trước</b><br><b>dài hạn khác</b><br><b>VND</b> | <b>Tổng cộng</b><br><b>VND</b> |
|------------------|--|---|---|--------------------------------|
| Số dư đầu kỳ     | 3.927.868.824  | 11.417.697.668                                    | 12.198.009.331  | 27.543.575.823                 |
| Tăng trong kỳ    | -  | 5.806.415.379                                     | 8.049.172.571   | 13.855.587.950                 |
| Phân bổ trong kỳ | (43.805.226)   | (4.378.615.601)                                   | (3.439.753.603)   | (7.862.174.430)                |
| Thanh lý         | -  | (24.298.793)                                      | -   | (24.298.793)                   |
|                  | <hr/> 3.884.063.598                                  | <hr/> 12.821.198.653                              | <hr/> 16.807.428.299  | <hr/> 33.512.690.550 <hr/>     |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

|                                 | Giá gốc và số có khả năng trả nợ |                        |
|---------------------------------|----------------------------------|------------------------|
|                                 | 30/6/2022<br>VND                 | 1/1/2022<br>VND        |
| Hultafors Group AB              | 41.997.882.352                   | 44.776.318.875         |
| Louis Dreyfus Company Suisse Sa | 34.869.199.109                   | 25.899.927             |
| Kwong Lung Enterprise Co., Ltd  | 6.699.653.363                    | 36.430.638.305         |
| Các nhà cung cấp khác           | 237.683.971.962                  | 253.386.187.416        |
|                                 | <b>321.250.706.786</b>           | <b>334.619.044.523</b> |

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

|   | 30/6/2022<br>VND      | 1/1/2022<br>VND       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Công ty mẹ</b>   |                       |                       |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam                                     | 12.592.557.881        | 16.103.745.493        |
| <b>Công ty liên kết</b>                                       |                       |                       |
| Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam                       | 7.484.273.992         | 8.334.074.082         |
| Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh                        | -                     | 12.025.365            |
| <b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b> |                       |                       |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú                                  | 3.251.221.158         | 2.430.308.000         |
| Công ty Cổ phần Dệt May Huế                                   | 6.432.873             | 14.783.300            |
|   | <b>23.334.485.904</b> | <b>26.894.936.240</b> |

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

|               | 1/1/2022<br>VND | Số phải thu<br>trong kỳ<br>VND | Số bù trừ<br>trong kỳ<br>VND | 30/6/2022<br>VND |
|---------------|-----------------|--------------------------------|------------------------------|------------------|
| Thuế nhà thầu | -               | 3.555.457                      | -                            | 3.555.457        |

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                               | 1/1/2022<br>VND | Số phải nộp<br>trong kỳ<br>VND | Số đã nộp/bù trừ<br>trong kỳ<br>VND | 30/6/2022<br>VND |
|-------------------------------|-----------------|--------------------------------|-------------------------------------|------------------|
| Thuế giá trị gia tăng         | 8.023.760.896   | 77.728.366.710                 | (76.166.736.704)                    | 9.585.390.902    |
| Thuế nhập khẩu                | 207.330.386     | 3.794.815.819                  | (3.984.732.277)                     | 17.413.928       |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | 9.080.213.740   | 28.852.814.612                 | (23.435.311.104)                    | 14.497.717.248   |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 188.574.250     | 4.226.555.738                  | (3.872.058.228)                     | 543.071.760      |
| Các loại thuế khác            | 3.354.697       | 7.245.882.573                  | (895.932.310)                       | 6.353.304.960    |
|                               | 17.503.233.969  | 121.848.435.452                | (108.354.770.623)                   | 30.996.898.798   |

**21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                            | 30/6/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| Chi phí hoạt động          | 9.596.661.555    | 2.418.190.333   |
| Chi phí lãi vay            | 141.399.227      | 376.111.793     |
| Các khoản trích trước khác | 1.213.743.161    | 1.814.912.600   |
|                            | 10.951.803.943   | 4.609.214.726   |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                    | <b>30/6/2022</b> | <b>1/1/2022</b> |
|------------------------------------|------------------|-----------------|
|                                    | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Kinh phí công đoàn                 | 16.970.612.571   | 17.404.033.529  |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | -                | 14.475.299      |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn      | 160.000.000      | 165.000.000     |
| Các khoản thu chi hộ               | 1.401.733.493    | 2.703.517.178   |
| Cổ tức phải trả                    | 1.059.468.100    | 984.196.600     |
| Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ          | 832.771.781      | 832.771.781     |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác  | 7.006.771.245    | 3.828.604.156   |
|                                    | <hr/>            | <hr/>           |
|                                    | 27.431.357.190   | 25.932.598.543  |
|                                    | <hr/>            | <hr/>           |





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi cố kỳ hạn (Thuyết minh số 10(a)), một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

|                                       | <b>30/6/2022</b><br><b>VND</b> | <b>1/1/2022</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn                           | 327.503.816.259                | 347.527.312.404               |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (41.322.167.998)               | (46.171.454.063)              |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng        | 286.181.648.261                | 301.355.858.341               |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

|  | <b>Loại tiền</b> | <b>Lãi suất năm</b> | <b>Năm đáo hạn</b> | <b>30/6/2022<br/>VND</b> | <b>1/1/2022<br/>VND</b> |
|--|------------------|---------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| Vay ngân hàng 1 (i)                          | USD              | 5,0%                | 2022               | -                        | 5.588.879.756           |
| Vay ngân hàng 2 (i)                          | USD              | 4,8%                | 2024               | 25.000.000.000           | 30.000.000.000          |
| Vay ngân hàng 3 (i)                          | VND              | 5,4%                | 2025               | 88.671.808.829           | 99.659.602.309          |
| Quỹ bảo vệ môi trường (ii)                   | VND              | 2,6%                | 2025               | 4.650.000.000            | 5.270.000.000           |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii) | USD              | LIBOR + 0,7%        | 2039               | 209.182.007.430          | 207.008.830.339         |
|  |                  |                     |                    | <hr/>                    | <hr/>                   |
|  |                  |                     |                    | 327.503.816.259          | 347.527.312.404         |

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15 và Thuyết minh 10(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

|                    | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                 |
|--------------------|----------------------------|-----------------|
|                    | 30/6/2022                  | 30/6/2021       |
|                    | VND                        | VND             |
| Số dư đầu kỳ       | 69.175.100.458             | 72.523.791.358  |
| Trích lập trong kỳ | 11.170.216.362             | 3.063.076.395   |
| Tăng khác          | 56.290.577                 | 206.719.141     |
| Giảm khác          | -                          | (50.000.000)    |
| Sử dụng trong kỳ   | (9.686.482.506)            | (5.377.621.982) |
| Số dư cuối kỳ      | 70.715.124.891             | 70.365.964.912  |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn cổ phần<br>VND | Vốn khác<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|---|--------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------------|---|------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>  | 225.000.000.000    | -               | 131.581.249.354                 | 93.703.298.049                     | 27.705.259.573                            | 477.989.806.976  |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                  | -                  | -               | -                               | 41.122.834.344                     | 6.144.651.774                             | 47.267.486.118   |
| Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển         | -                  | -               | 9.382.269.226                   | (9.382.269.226)                    | -   | -                |
| Cổ tức (Thuyết minh 28)                   | -                  | -               | -                               | (33.750.000.000)                   | (80.210.000)                              | (33.830.210.000) |
| Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con        | -                  | 1.176.340.000   | -                               | (1.176.340.000)                    | -   | -                |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi     | -                  | -               | -                               | (2.942.221.767)                    | (120.854.628)                             | (3.063.076.395)  |
| <b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b> | 225.000.000.000    | 1.176.340.000   | 140.963.518.580                 | 87.575.301.400                     | 33.648.846.719                            | 488.364.006.699  |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>  | 236.250.000.000    | 1.176.340.000   | 140.963.518.580                 | 234.646.810.143                    | 40.761.999.959                            | 653.798.668.682  |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                  | -                  | -               | -                               | 133.368.239.691                    | 7.829.704.523                             | 141.197.944.214  |
| Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển         | -                  | -               | 37.063.265.741                  | (37.063.265.741)                   | -   | -                |
| Cổ tức (Thuyết minh 28)                   | -                  | -               | -                               | (23.625.000.000)                   | (2.551.000.000)                           | (26.176.000.000) |
| Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con        | -                  | 576.600.000     | -                               | (576.600.000)                      | -   | -                |
| Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28)     | 63.780.750.000     | -               | -                               | (63.780.750.000)                   | -   | -                |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi     | -                  | -               | -                               | (10.839.820.133)                   | (330.396.229)                             | (11.170.216.362) |
| <b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b> | 300.030.750.000    | 1.752.940.000   | 178.026.784.321                 | 232.129.613.960                    | 45.710.308.253                            | 757.650.396.534  |



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

|  | 30/6/2022   |                 | 1/1/2022    |                 |
|--|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
|  | Số cổ phiếu | VND             | Số cổ phiếu | VND             |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>                          | 30.003.075  | 300.030.750.000 | 23.625.000  | 236.250.000.000 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông  | 30.003.075  | 300.030.750.000 | 23.625.000  | 236.250.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông | 30.003.075  | 300.030.750.000 | 23.625.000  | 236.250.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

|                           | 30/6/2022                     |                 |        | 1/1/2022                      |                 |        |
|---------------------------|-------------------------------|-----------------|--------|-------------------------------|-----------------|--------|
|                           | Đã phát hành và đang lưu hành |                 |        | Đã phát hành và đang lưu hành |                 |        |
|                           | Số cổ phiếu                   | VND             | %      | Số cổ phiếu                   | VND             | %      |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 18.561.838                    | 185.618.380.000 | 61,87% | 14.615.621                    | 146.156.210.000 | 61,87% |
| Các cổ đông khác          | 11.441.237                    | 114.412.370.000 | 38,13% | 9.009.379                     | 90.093.790.000  | 38,13% |
|                           | 30.003.075                    | 300.030.750.000 | 100%   | 23.625.000                    | 236.250.000.000 | 100%   |

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

|                             | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                 |             |                 |
|-----------------------------|----------------------------|-----------------|-------------|-----------------|
|                             | 30/6/2022                  |                 | 30/6/2021   |                 |
|                             | Số cổ phiếu                | VND             | Số cổ phiếu | VND             |
| Số dư đầu kỳ                | 23.625.000                 | 236.250.000.000 | 22.500.000  | 225.000.000.000 |
| Cổ phiếu phát hành trong kỳ | 6.378.075                  | 63.780.750.000  | -           | -               |
| Số dư cuối kỳ               | 30.003.075                 | 300.030.750.000 | 22.500.000  | 225.000.000.000 |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**28. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020).

**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                            | 30/6/2022<br>VND | 1/1/2022<br>VND |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm         | 13.092.302.578   | 20.540.730.148  |
| Trong vòng hai đến năm năm | 52.309.784.279   | 77.343.171.463  |
| Sau năm năm                | 154.488.700.283  | 96.420.735.773  |
|                            | 219.890.787.140  | 194.304.637.384 |

**(b) Ngoại tệ các loại**

|     | 30/6/2022 |                    | 1/1/2022  |                    |
|-----|-----------|--------------------|-----------|--------------------|
|     | Nguyên tệ | Tương đương<br>VND | Nguyên tệ | Tương đương<br>VND |
| USD | 484.141   | 11.199.474.566     | 436.015   | 9.853.729.499      |
| EUR | -         | -                  | 221       | 5.616.408          |
|     |           | 11.199.474.566     |           | 9.859.345.907      |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

|  | <b>30/6/2022</b>      | <b>1/1/2022</b>       |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 35.590.000.000        | 31.020.000.000        |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng      | 37.719.000.000        | 27.417.600.000        |
|  | <hr/>                 | <hr/>                 |
|  | <b>73.309.000.000</b> | <b>58.437.600.000</b> |
|  | <hr/>                 | <hr/>                 |

**30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                    | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                       |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                    | <b>30/6/2022</b>                  | <b>30/6/2021</b>      |
|                                    | <b>VND</b>                        | <b>VND</b>            |
| Lãi tiền gửi và cho vay            | 2.062.307.539                     | 1.452.510.844         |
| Cổ tức được chia                   | 168.000.000                       | 168.000.000           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 28.221.549.390                    | 9.593.344.201         |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 3.633.014                         | 5.585.004             |
|                                    | <hr/>                             | <hr/>                 |
|                                    | <b>30.455.489.943</b>             | <b>11.219.440.049</b> |
|                                    | <hr/>                             | <hr/>                 |

**32. Chi phí tài chính**

|  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                       |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
|  | <b>30/6/2022</b>                  | <b>30/6/2021</b>      |
|  | <b>VND</b>                        | <b>VND</b>            |
| Chi phí lãi vay                            | 9.768.444.608                     | 8.588.108.270         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện          | 5.872.522.617                     | 1.986.454.975         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện        | 8.206.591.988                     | 977.103.222           |
| Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 296.709.522                       | -                     |
|  | <hr/>                             | <hr/>                 |
|  | <b>24.144.268.735</b>             | <b>11.551.666.467</b> |
|  | <hr/>                             | <hr/>                 |



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí bán hàng**

|                                  | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                |
|----------------------------------|----------------------------|----------------|
|                                  | 30/6/2022                  | 30/6/2021      |
|                                  | VND                        | VND            |
| Chi phí nhân viên                | 2.543.308.280              | 2.468.290.846  |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 318.104.990                | 346.285.379    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 490.255.248                | 488.667.862    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 59.264.975.225             | 37.008.664.271 |
| Chi phí khác                     | 7.427.133.757              | 5.203.820.901  |
|                                  | <hr/>                      | <hr/>          |
|                                  | 70.043.777.500             | 45.515.729.259 |
|                                  | <hr/>                      | <hr/>          |

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                |
|----------------------------------|----------------------------|----------------|
|                                  | 30/6/2022                  | 30/6/2021      |
|                                  | VND                        | VND            |
| Chi phí nhân viên                | 36.170.100.769             | 30.679.833.019 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.829.233.183              | 5.686.845.040  |
| Thuế, phí và lệ phí              | 6.573.102.587              | 2.709.395.939  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 10.788.910.811             | 6.254.792.629  |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 176.297.000                | 764.003.735    |
| Chi phí khác                     | 15.760.205.298             | 12.615.446.708 |
|                                  | <hr/>                      | <hr/>          |
|                                  | 74.297.849.648             | 58.710.317.070 |
|                                  | <hr/>                      | <hr/>          |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thu nhập khác**

|                                 | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |               |
|---------------------------------|----------------------------|---------------|
|                                 | 30/6/2022                  | 30/6/2021     |
|                                 | VND                        | VND           |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 644.047.801                | 317.272.728   |
| Các khoản thu nhập khác         | 3.316.573.520              | 698.754.765   |
|                                 | <hr/>                      | <hr/>         |
|                                 | 3.960.621.321              | 1.016.027.493 |

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                 |
|--|----------------------------|-----------------|
|  | 30/6/2022                  | 30/6/2021       |
|  | VND                        | VND             |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 1.257.236.801.046          | 731.658.254.695 |
| Chi phí nhân viên                              | 723.801.647.342            | 515.308.829.021 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 62.948.909.906             | 65.228.731.731  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác      | 351.225.039.774            | 243.993.417.574 |
|  | <hr/>                      | <hr/>           |

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỆT MAY  
HÒA THỌ  
MG

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

|                               | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |               |
|-------------------------------|----------------------------|---------------|
|                               | 30/6/2022                  | 30/6/2021     |
|                               | VND                        | VND           |
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b> |                            |               |
| Kỳ hiện hành                  | 28.852.814.612             | 4.087.042.356 |

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|  | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                 |
|--|----------------------------|-----------------|
|  | 30/6/2022                  | 30/6/2021       |
|  | VND                        | VND             |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế   | 170.050.758.826            | 51.354.528.474  |
| Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty                                | 34.010.151.765             | 5.135.452.847   |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con         | (2.859.131.943)            | 70.855.188      |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | -                          | 286.194.083     |
| Chi phí không được khấu trừ thuế   | 352.889.112                | 122.976.945     |
| Thu nhập không bị tính thuế  | (33.600.000)               | (16.800.000)    |
| Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận                        | (1.039.548.416)            | 967.631.395     |
| Lỗi tính thuế được sử dụng   | (13.979.934)               | (685.082.202)   |
| Ưu đãi thuế tại công ty con  | (1.429.565.972)            | (1.693.881.744) |
| Biến động khác   | -                          | (100.304.156)   |
|  | 28.852.814.612             | 4.087.042.356   |

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đối với các công ty con**

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

|   | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |   |
|---|----------------------------|---|
|   | 30/6/2022<br>(Số cổ phiếu) | 30/6/2021<br>(Số cổ phiếu)<br>Đã điều chỉnh lại |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ  | 23.625.000                 | 22.500.000                                      |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ<br>sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022<br>(Thuyết minh 28) | 6.378.075                  | 6.075.000                                       |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu<br>phổ thông lưu hành trong kỳ  | 30.003.075                 | 28.575.000                                      |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

|   | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                          |
|---|----------------------------|--------------------------|
|   | 30/6/2022                  | 30/6/2021                |
|   |                            | <b>Đã điều chỉnh lại</b> |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)  | 133.368.239.691            | 41.122.834.344           |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)                                      | (5.000.000.000)            | (2.368.637.231)          |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)                                    | 128.368.239.691            | 38.754.197.113           |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu) | 30.003.075                 | 28.575.000               |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)   | 4.279                      | 1.356                    |

**(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) như sau:

|   | Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền | Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND |
|---|---|------------------------------|
| Số báo cáo trước đây  | 22.500.000                                | 1.828                        |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu                                 | 6.075.000                                 | (389)                        |
| Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | -   | (83)                         |
| Số điều chỉnh lại   | 28.575.000                                | 1.356                        |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|  | Giá trị giao dịch                                  |                  |
|--|--|------------------|
|  | cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | 30/6/2021<br>VND |
| <b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>  |  |                  |
| Cổ tức công bố                                 | 14.615.621.000                                     | 21.923.431.500   |
| Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ               | 1.194.684.759                                      | 1.131.480.455    |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                        | 8.300.451.170                                      | 10.740.257.306   |
| Chi phí lãi vay                                | 1.855.039.474                                      | 1.801.607.235    |
| <b>Các công ty liên kết</b>                    |  |                  |
| <b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>  |  |                  |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                        | 800.093.448  | 583.243.696      |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                        | 45.639.919.086                                     | 25.201.702.425   |
| Cho vay  | 5.055.440.000                                      | -                |
| <b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b> |  |                  |
| Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ               | 282.518.169  | 465.756.938      |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                        | 48.819.297.093                                     | 35.301.173.308   |
| Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ      | 1.285.600.000                                      | 1.285.600.000    |
| Cổ tức công bố và trả                          | 520.000.000  | -                |
| <b>Các bên liên quan khác trong</b>            |  |                  |
| <b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>               |  |                  |
| <b>Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP</b>          |  |                  |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                        | -  | 492.718.317      |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                        | 18.660.326   | -                |
| <b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>            |  |                  |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                        | 9.474.009.385                                      | 10.532.520.305   |
| <b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>             |  |                  |
| Bán hàng hóa và dịch vụ                        | 129.818.201  | 232.383.836      |
| Mua hàng hóa và dịch vụ                        | 63.411.820   | 156.124.545      |

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Giá trị giao dịch                                  |                  |
|--|--|------------------|
|  | cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2022<br>VND | 30/6/2021<br>VND |
| <b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b> |  |                  |
| <i>Tổng Giám đốc</i>   |  |                  |
| Tiền lương, thưởng   | 1.109.489.264                                      | 783.834.551      |
| <b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>                           |  |                  |
| Tiền lương và thưởng   | 7.432.404.581                                      | 5.806.868.313    |
| <b>Thành viên Ban kiểm soát</b>                                      |  |                  |
| Tiền lương, thưởng và thù lao  | 286.578.510  | 261.494.526      |
| <b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>                                    |  |                  |
| Tiền lương, thưởng và thù lao  | 1.454.485.507                                      | 1.336.054.261    |
| <b>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</b>                            |  |                  |
| Thù lao và thưởng  | 133.333.333  | 133.333.333      |
| <b>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</b>                            |  |                  |
| Thù lao  | 66.666.668   | 66.666.666       |
| <b>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</b>                            |  |                  |
| Thù lao  | 66.666.668   | 66.666.666       |
| <b>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</b>                            |  |                  |
| Thù lao và thưởng  | 188.888.887  | 166.666.665      |
| <b>Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị</b>                            |  |                  |
| Thù lao  | 66.666.668   | 66.666.666       |

2042  
 CÔNG TY  
 TÀI CHÍNH  
 HỮU  
 HẠN  
 MG  
 1 - 11

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, và thông tin cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

